

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 6 - 2025

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

2. Ông Nguyễn Thành Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1987(có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1986(vắng mặt)

Cùng trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị Kim N trình bày: Bà N và ông Nguyễn Văn P do quen biết nhau tự nguyện tiến đến hôn nhân và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 06/5/2010. Sau khi cưới, bà N và ông P chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, ông P không quan tâm

chăm sóc gia đình, sự việc kéo dài không khắc phục được nên bà N và ông P đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay không còn tâm gì đến nhau. Nay, bà N xét thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Bà N và ông P có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 21/12/2010 hiện sống chung với bà. Khi ly hôn, bà N yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống bà N và ông P không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2025, cháu Nguyễn Thị Ngọc D có lời trình bày như sau: Cháu là con ruột ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Kim N. Nếu bà N và ông P ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống chung với bà N.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Càng Long tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho ông Nguyễn Văn P biết nhưng ông P vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý vụ án, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có mặt tại Tòa mặc dù Tòa án thông báo họp lệ.

Về nội dung: Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim N.

Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Giao cho bà N được quyền nuôi con là Nguyễn Thị Ngọc D theo nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không có yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung: Bà N không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà N khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Trần Thị Kim N khởi kiện yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với ông Nguyễn Văn P có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 43 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định vụ án “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2]. *Về tố tụng:* Ông Nguyễn Văn P đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 và Giấy triệu tập đương sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P.

[3]. *Về hôn nhân:* Bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 1 ngày 06 tháng 5 năm 2010. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của bà N và ông P là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân của bà N và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bà N và ông P có bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, ông P không quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Kết quả xác minh đối với chính quyền địa phương cung cấp bà N và ông P là vợ chồng sống tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh từ khoảng năm 2020 đến nay, trong cuộc sống ông P tham gia vào các tệ nạn xã hội và từng bị Tòa án đưa ra xét xử về tội đánh bạc. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà N và ông P đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng thì “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...*” Mục đích của cuộc sống hôn nhân là để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hôn nhân của bà N và ông P không đạt được mục đích đó. Khi mâu thuẫn, bà N và ông P không tìm giải pháp khắc phục mà sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Do đó, căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N được ly hôn ông P.

[4]. *Về con chung:* Bà N và ông P có một người con chung tên Nguyễn Thị

Ngọc D, sinh năm 21/12/2010 hiện sống chung với bà N và có nguyện vọng được sống chung với bà N. Xét thấy, cháu D hiện sống chung với bà N và đang học lớp 9 tại Trường THCS N1 thuộc xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Để không làm thay đổi môi trường sống và xáo trộn việc học của con nên giao cháu D cho bà N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu D.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có giải thích theo quy định tại các Điều 82, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con nhưng bà N vẫn chưa đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về tài sản*: Bà N không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[7]. *Về nợ*: Bà N khai không có, Tòa không xét.

[8]. *Về án phí*: Bà N là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 43 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 3, 19, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Kim N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim N được ly hôn ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Bà Trần Thị Kim N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 21/12/2010.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản: Bà N không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Về nợ: Bà N khai không có, Tòa không xét.

Về án phí: Bà Trần Thị Kim N có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được căn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005144 ngày 17 tháng 02 năm 2025 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Bà N đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn bà Trần Thị Kim N; vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn P; báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- UBND xã Đức Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang